

**CHỈ SỐ CHÍNH**

|                          | Mới nhất | Tăng / Giảm |       | Khối lượng |        |      | Số lượng cổ phiếu |      |      | P/E   |
|--------------------------|----------|-------------|-------|------------|--------|------|-------------------|------|------|-------|
|                          |          | điểm        | %     | KL         | %      | GDTT | Tăng              | Giảm | Đứng |       |
| VN-Index                 | 381.8    | -6.8        | -1.7% | 29.2       | -11.8% | 9.4  | 59                | 192  | 55   | 8.1x  |
| HNX-Index                | 61.3     | -0.8        | -1.3% | 19.4       | -19.7% | 2.2  | 155               | 71   | 60   | 6.7x  |
| 20 CP vốn hóa lớn nhất   | 425.7    | -8.8        | -2.0% | 7.2        | 8.0%   | 0.8  | 2                 | 16   | 2    | 10.8x |
| 30 CP vốn hóa trung bình | 156.5    | -1.3        | -0.8% | 7.5        | -39.2% | 0.3  | 4                 | 15   | 6    | 5.8x  |
| 40 CP vốn hóa nhỏ        | 268.2    | -5.6        | -2.0% | 6.5        | -13.0% | 0.2  | 4                 | 18   | 3    | 4.7x  |
| <b>Chỉ số ngành</b>      |          |             |       |            |        |      |                   |      |      |       |
| Ngân hàng                | 261.4    | -2.6        | -1.0% | 4.5        | 24.3%  | 0.7  | 1                 | 5    | 3    | 8.4x  |
| Bất động sản (trừ VIC)   | 172.9    | -3.0        | -1.7% | 5.9        | -8.2%  | 0.3  | 12                | 49   | 14   | 5.4x  |
| Thực phẩm (trừ MSN)      | 467.5    | -1.4        | -0.3% | 0.7        | -4.4%  | 0.0  | 7                 | 8    | 10   | 5.7x  |

(KL: triệu CP)

**THẾ GIỚI**

|                            | Chỉ số | Tăng / Giảm |       |
|----------------------------|--------|-------------|-------|
|                            |        | điểm        | %     |
| Mỹ: Dow Jones (23/11/2011) | 11,258 | -236.2      | -2.1% |
| Mỹ: S&P 500 (23/11/2011)   | 1,162  | -26.3       | -2.3% |
| Anh: FTSE 100 (23/11/2011) | 5,140  | -67.0       | -1.3% |
| Nhật: Nikkei 225           | 8,165  | -149.6      | -1.8% |
| Hong Kong: Hang Seng       | 17,935 | 70.7        | 0.4%  |

**GIÁ HÀNG HÓA**

|                              | Giá     | Tăng / Giảm |       |
|------------------------------|---------|-------------|-------|
|                              |         | điểm        | %     |
| Vàng trong nước (trđ/lượng)  | 44.8    | -1.1        | -2.5% |
| Vàng thế giới (USD/ounce)    | 1,699.0 | 0.2         | 0.0%  |
| Giá dầu thế giới (USD/thùng) | 96.6    | 0.4         | 0.4%  |

**KINH TẾ VĨ MÔ**

|                                | Tháng 10        | Tháng 11 | Lũy kế |
|--------------------------------|-----------------|----------|--------|
|                                | Tăng trưởng GDP |          |        |
| Lạm phát so hàng tháng         | 0.36%           | 0.39%    |        |
| Lạm phát so với cùng kỳ (năm)  | 21.59%          | 18.62%   |        |
| Sản lượng Công nghiệp (%)      | 5.20%           |          |        |
| Lãi suất OMO                   | 14.00%          |          |        |
| Xuất khẩu (triệu \$)           | 8,300           |          |        |
| Nhập khẩu (triệu \$)           | 9,100           |          |        |
| Thâm hụt thương mại (triệu \$) | - 800           |          |        |
| FDI cam kết (triệu \$)         | 1,371           |          |        |
| FDI giải ngân (triệu \$)       | 900             |          |        |

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

**THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ**

|                                       | Chỉ số                          | Thay đổi | %     |
|---------------------------------------|---------------------------------|----------|-------|
|                                       | Lãi suất qua đêm trung bình (%) | 12.09    | 0.0   |
| Bơm ròng qua OMO (tỷ VND)             | 1,552                           | -2,285   |       |
| Lãi suất cho vay VND/năm (min-max)    | 16.0%                           | 19.0%    |       |
| Lợi tức trái phiếu chính phủ - 1 năm  | 12.68                           | 0.07     | 0.6%  |
| Lợi tức trái phiếu chính phủ - 3 năm  | 12.39                           | 0.01     | 0.1%  |
| Lợi tức trái phiếu chính phủ - 5 năm  | 12.44                           | -0.01    | -0.1% |
| Lợi tức trái phiếu chính phủ - 10 năm | 12.68                           | 0.00     | 0.0%  |

**Tỷ giá**

|                 | Mua vào | Bán ra | Thay đổi |
|-----------------|---------|--------|----------|
|                 | VND/USD | 20,996 | 21,011   |
| VND/USD (tự do) | 21,280  | 21,340 | 10/10    |

(Nguồn: Vietinbank)

**CÁC TIN TỨC VĨ MÔ TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ**

**Trong nước**

- CPI bình quân 11 tháng năm 2011 tăng 0,39% so với tháng 10/2011, tăng 18,62% so với cùng kỳ năm 2010.
- Trong Dự thảo Nghị định quản lý vàng trình Chính phủ, NHNN vẫn giữ nguyên quan điểm thu hẹp hoạt động sản xuất và kinh doanh vàng miếng. Điều này đồng nghĩa chỉ còn SJC đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh vàng miếng.
- Sau yêu cầu tăng cường quản lý của NHNN, Giá USD trên thị trường tự do đã hạ nhiệt.

**Quốc tế**

- Moody's cảnh báo hạ xếp hạng Mỹ nếu các nhà lập pháp từ bỏ kế hoạch giảm thâm hụt 1.200 tỷ USD trong 10 năm.
- Chỉ số niềm tin tiêu dùng Mỹ Thomson Reuters/University of Michigan tháng 11 đạt 64,1 điểm, cao nhất kể từ tháng 6, tháng trước chỉ số này đạt 60,9 điểm.
- Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) xác nhận đã hạ yêu cầu dự trữ bắt buộc cho 6 ngân hàng nông thôn tại tỉnh Chiết Giang nhưng việc này không được xem như động thái nới lỏng chính sách.

**GAO DỊCH TRONG NGÀY**

**Diễn biến trên 2 sàn**

- Giao dịch giằng co, 2 chỉ số đều mất điểm trong suốt thời gian đầu phiên. Lực bán tập trung vào các bluechips như VIC, BVH, VNM, MSN... khiến VN-Index giảm sâu, mất 6,79 điểm xuống còn 381,78 điểm. Một số mã duy trì được đà tăng đến cuối phiên là CTD, VOS, NTL, EIB, GTT, HPG, HQC.
- HNX-Index cũng mất tới 0,83 điểm xuống còn 61,27 điểm. KLGD sụt giảm còn 19,3 triệu đơn vị. VND, KLS, VCG đồng loạt xuống dưới mệnh giá, PVX xuống 8.700 đồng/cp. WSS, sau thông tin bị PVFI kiện vì khoản nợ gần 100 tỷ đồng gây tranh cãi, sáng nay dự bán sàn hơn 1,3 triệu CP cuối phiên.

**Giao dịch khối ngoại**

- Trên HSX, khối ngoại giảm giao dịch và bán ròng phiên thứ 2 liên tiếp, với giá trị là 51,5 tỷ đồng. STB tiếp tục dẫn đầu bán ròng với giá trị gần 47 tỷ đồng và chủ yếu là giao dịch thỏa thuận. VIC, HAG, SSI, KBC, VPL... cũng bị bán ròng. Ngược lại, FPT được mua ròng phiên thứ 6 liên tiếp với giá trị hơn 15 tỷ đồng.
- Trên HNX, khối ngoại cũng bán ròng phiên thứ 2 liên tiếp, với giá trị hơn 2 tỷ đồng và chủ yếu là bán ròng VCG. Không cổ phiếu nào được mua ròng trên 320 triệu đơn vị.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT- HSX

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index chạm đường MA(10) và thoát lui trở lại. Khu vực 380 vẫn là khu vực giằng co của thị trường. Nhiều cổ phiếu bluechip sau đợt bán tháo thời gian qua đã xuất hiện tín hiệu phân kỳ dương trở lại. Nhóm này tăng điểm có thể giúp mốc 380 được trụ vững. Hiện tại, xu hướng chính của thị trường là giảm giá.

**Khuyến nghị:** Nhà đầu tư tiếp tục quan sát tín hiệu từ thanh khoản. Tăng điểm với khối lượng thấp là cơ hội để giảm tỷ trọng nắm giữ cổ phiếu. Việc bắt đáy nên cân nhắc rủi ro T+ 4. Ưu tiên các cổ phiếu thanh khoản cao và có mức độ “nhạy” so với thị trường.



XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

|           |      |
|-----------|------|
| Ngắn hạn  | Giảm |
| Trung hạn | Giảm |

CÁC NGƯỠNG KHÁNG CỰ VÀ HỖ TRỢ

|               |     |
|---------------|-----|
| Kháng cự 1    | 400 |
| Kháng cự 2    | 428 |
| Vùng hỗ trợ 1 | 370 |
| Vùng hỗ trợ 2 | 350 |

BẢNG CÁC CHỈ SỐ

|          |      |
|----------|------|
| RSI (14) | Giảm |
| STO (14) | Tăng |
| MFI (14) | Giảm |
| KLGD     | Giảm |

THÔNG TIN CẬP NHẬT CÁC CÔNG TY SÀN HOSE

- EVE** Từ ngày 28/11/2011 - 26/2/2012, Red River Holding, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (EVE) đăng ký mua 150.000 cổ phiếu, nâng số cổ phiếu sẽ nắm giữ lên 3.019.986 cổ phiếu, chiếm 12,90% vốn điều lệ.
- ITC** Từ ngày 25/11/2011 - 25/1/2012, ông Lê Văn Trường - Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà (ITC) đăng ký mua 100.000 cổ phiếu, nâng số cổ phiếu sẽ nắm giữ lên 148.231 cổ phiếu, chiếm 0,22% vốn điều lệ, nhằm tăng tỷ lệ nắm giữ.
- NSC** Từ ngày 25/11/2011 - 25/1/2012, Quỹ tâm nhìn SSI, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (NSC) đăng ký mua 42.000 cổ phiếu, đăng ký bán 42.000 cổ phiếu, số cổ phiếu sẽ nắm giữ là 422.860 cổ phiếu, chiếm 5,28% vốn điều lệ, nhằm cơ cấu danh mục đầu tư.
- DHG** Từ ngày 15/10/2011 - 15/1/2012, ông Trần Quốc Hùng - thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (DHG) đăng ký bán 10.000 cổ phiếu, số cổ phiếu sẽ nắm giữ còn 11.840 cổ phiếu, nhằm đáp ứng nhu cầu tài chính gia đình.

**PHÂN TÍCH KỸ THUẬT- HNX**

**BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT**

HNX-Index tiệm cận với đường MA(10) và thoát lui trở lại. HNX-Index vẫn vận động trong kênh giá như hình vẽ. Mốc thời gian 29/11 là mốc có thể xảy ra việc đảo chiều trong ngắn hạn. Hiện tại, xu hướng chính của thị trường là giảm giá.

**Khuyến nghị:** Nhà đầu tư tiếp tục quan sát tín hiệu từ thanh khoản. Tăng điểm với khối lượng thấp là cơ hội để giảm tỷ trọng nắm giữ cổ phiếu. Việc bắt đáy nên cân nhắc rủi ro T+ 4. Ưu tiên các cổ phiếu thanh khoản cao và có mức độ “nhạy” so với thị trường.



**XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG**

|           |      |
|-----------|------|
| Ngắn hạn  | Giảm |
| Trung hạn | Giảm |

**CÁC NGƯỠNG KHÁNG CỰ VÀ HỖ TRỢ**

|               |    |
|---------------|----|
| Kháng cự 1    | 66 |
| Kháng cự 2    | 70 |
| Vùng hỗ trợ 1 | 60 |
| Vùng hỗ trợ 2 | 58 |

**BẢNG CÁC CHỈ SỐ**

|          |          |
|----------|----------|
| RSI (14) | Giảm     |
| STO (14) | Tăng nhẹ |
| MFI (14) | Tăng nhẹ |
| KLGD     | Giảm     |

**THÔNG TIN CẬP NHẬT CÁC CÔNG TY SÀN HNX**

- HTC** Từ ngày 24/11/2011 - 23/1/2012, Tổng Công ty Bến Thành – Công ty TNHH 1 Thành viên, tổ chức có liên quan đến Ủy viên Hội đồng Quản trị CTCP Thương mại Học Môn (HTC) đăng ký bán 300.000 cổ phiếu, đăng ký mua 300.000 cổ phiếu, nhằm tái cấu trúc danh mục đầu tư.
- CTA** Từ ngày 23/11 - 23/12, ông Nguyễn Thanh Hoàn - Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vinavico (CTA) đăng ký bán 94.000 cổ phiếu, nhằm cơ cấu lại danh mục đầu tư.
- AVS** Từ ngày 24/11/2011 - 23/1/2012, ông Nguyễn Thanh Hải - Ủy viên Hội đồng Quản trị CTCP Chứng khoán Âu Việt (AVS) đăng ký bán 900.000 cổ phiếu, đăng ký mua 900.000 cổ phiếu, nhằm cơ cấu lại danh mục đầu tư.
- MAC** Ngày 18/11, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (MAC) đã mua 288.100 cổ phiếu, chiếm 5,24% vốn điều lệ.

**HSX**

| 5CP TĂNG giá nhiều nhất |          |       | 5CP GIẢM giá nhiều nhất |          |      |
|-------------------------|----------|-------|-------------------------|----------|------|
| Mã CK                   | Thay đổi | KL    | Mã CK                   | Thay đổi | KL   |
| FBT                     | 4.92%    | 0.0   | VKP                     | -14.29%  | 42.3 |
| CTD                     | 4.84%    | 121.7 | TRI                     | -5.26%   | 21.8 |
| FDG                     | 4.83%    | 5.0   | GDT                     | -5.00%   | 15.0 |
| ABT                     | 4.76%    | 0.1   | SVC                     | -5.00%   | 2.6  |
| CMG                     | 4.76%    | 26.0  | KSH                     | -5.00%   | 4.4  |

(Đơn vị: nghìn CP)

**HNX**

| 5CP TĂNG giá nhiều nhất |          |       | 5CP GIẢM giá nhiều nhất |          |      |
|-------------------------|----------|-------|-------------------------|----------|------|
| Mã CK                   | Thay đổi | KL    | Mã CK                   | Thay đổi | KL   |
| SDE                     | 16.98%   | 0.5   | HHL                     | -9.09%   | 10.3 |
| SDG                     | 11.72%   | 1.0   | SIC                     | -8.45%   | 2.9  |
| L44                     | 8.62%    | 138.8 | VCM                     | -8.00%   | 1.1  |
| CKV                     | 8.33%    | 4.0   | DPC                     | -7.89%   | 0.1  |
| CT6                     | 7.95%    | 0.1   | L18                     | -7.69%   | 5.0  |

(Đơn vị: nghìn CP)

| 5CP có KLGĐ nhiều nhất |          |         | 5CP có GTGD nhiều nhất |          |      |
|------------------------|----------|---------|------------------------|----------|------|
| Mã CK                  | Thay đổi | KL      | Mã CK                  | Thay đổi | GT   |
| STB                    | -1.99%   | 2,540.5 | STB                    | -1.99%   | 37.8 |
| SAM                    | 0.00%    | 326.2   | FPT                    | 0.00%    | 9.4  |
| HQC                    | 3.17%    | 731.8   | HVG                    | 0.49%    | 16.6 |
| HVG                    | 0.49%    | 817.3   | VIC                    | -4.76%   | 13.9 |
| HPG                    | 3.05%    | 758.2   | HPG                    | 3.05%    | 15.4 |

(Đơn vị: tỷ VND)

| 5CP có KLGĐ nhiều nhất |          |         | 5CP có GTGD nhiều nhất |          |      |
|------------------------|----------|---------|------------------------|----------|------|
| Mã CK                  | Thay đổi | KL      | Mã CK                  | Thay đổi | GT   |
| VND                    | -3.96%   | 2,254.0 | VND                    | -3.96%   | 22.3 |
| KLS                    | -2.00%   | 1,403.7 | HBS                    | 0.71%    | 8.5  |
| PVX                    | -4.40%   | 1,212.9 | KLS                    | -2.00%   | 13.9 |
| HBS                    | 0.71%    | 603.1   | PGS                    | -4.02%   | 10.8 |
| SCR                    | 1.37%    | 772.8   | PVX                    | -4.40%   | 10.8 |

(Đơn vị: tỷ VND)

| 5CP NĐTNN mua nhiều nhất |      |          |       | 5CP NĐTNN bán nhiều nhất |      |          |         |
|--------------------------|------|----------|-------|--------------------------|------|----------|---------|
| Mã CK                    | Giá  | Thay đổi | KL    | Mã CK                    | Giá  | Thay đổi | KL      |
| FPT                      | 49.1 | 0.0%     | 308.2 | STB                      | 14.8 | -2.0%    | 3,051.4 |
| HPG                      | 20.3 | 3.1%     | 254.2 | HAG                      | 22.3 | -2.2%    | 284.2   |
| REE                      | 11.3 | -0.9%    | 133.3 | SSI                      | 16.2 | -1.8%    | 200.3   |
| PET                      | 11.6 | -0.9%    | 80.0  | KBC                      | 10.5 | -3.7%    | 198.0   |
| LCG                      | 10.2 | -1.0%    | 80.0  | HT1                      | 3.1  | 0.0%     | 111.8   |

(Đơn vị: nghìn CP)

| 5CP NĐTNN mua nhiều nhất |      |          |      | 5CP NĐTNN bán nhiều nhất |      |          |       |
|--------------------------|------|----------|------|--------------------------|------|----------|-------|
| Mã CK                    | Giá  | Thay đổi | KL   | Mã CK                    | Giá  | Thay đổi | KL    |
| TAS                      | 2.5  | 0.0%     | 75.0 | VCG                      | 9.9  | -2.0%    | 211.1 |
| PVE                      | 10.2 | -1.9%    | 30.0 | ORS                      | 2.8  | -3.5%    | 55.4  |
| DBC                      | 14.4 | -1.4%    | 22.0 | VND                      | 9.7  | -3.0%    | 20.0  |
| PVC                      | 13.6 | -1.5%    | 5.0  | PGS                      | 23.9 | -4.4%    | 20.0  |
| NTP                      | 2.0  | 2.6%     | 3.8  | VGS                      | 5.2  | -1.9%    | 10.0  |

(Đơn vị: nghìn CP)

**Khuyến cáo**

Báo cáo này được phát hành bởi VietinBankSc. Các thông tin, nhận định trong báo cáo này được VietinBankSc xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin có sẵn, đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy và hợp pháp. Tuy nhiên, VietinBankSc không đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý các nhận định, dự báo trong báo cáo này mang tính chủ quan của người viết. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

**Liên hệ**

**Trụ sở chính**

306 Bà Triệu  
Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Tel: (84.4) 6278 0012

**P. Giao dịch Thái Thịnh**

Số 196 Thái Thịnh  
Q. Đống Đa, Hà Nội  
Tel: (84.4) 3519 0142

**Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh**

49 Tôn Thất Đạm  
Q. 1, TP. HCM  
Tel: (84.8) 3820 9987

**P. Giao dịch Phan Đăng Lưu**

Tầng M, 24A Phan Đăng Lưu, P.6  
Q. Bình Thạnh, TP. HCM  
Tel: (84.8) 3551 5606